

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÔNG BỎ VỐN ĐA QUỐC GIA BNM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÔNG BỎ VỐN ĐA QUỐC GIA BNM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BNM MULTINATIONAL NO CAPITAL CONTRIBUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BNM MUL., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108149414

3. Ngày thành lập: 29/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Liên kè 2, vị trí 23, khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976175689

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về nông học; tư vấn về công nghệ khác; hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý	7490(Chính)
3.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
4.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
5.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
6.	Giáo dục mầm non	8510
7.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
8.	Đào tạo cao đẳng	8541
9.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
10.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
11.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng.	8559
12.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
13.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
14.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
15.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
16.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
17.	Hoạt động thể thao khác	9319

18.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
19.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
20.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
21.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
22.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
23.	Sao chép bản ghi các loại	1820
24.	Quảng cáo	7310
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
26.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
27.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
28.	Giáo dục tiểu học	8520
29.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
30.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
31.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
32.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
33.	In ấn	1811
34.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
35.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
36.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
37.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
40.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
41.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
42.	Xây dựng nhà các loại	4100
43.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
44.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
45.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
46.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
47.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

48.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hạt, quả có dầu; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn thuốc lá lá; Bán buôn động vật sống; Bán buôn da sống và bì sống; Bán buôn da thuộc; Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật.	4620
49.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...	4632
50.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
51.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
52.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
55.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
56.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
57.	Xây dựng công trình công ích	4220
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
62.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
63.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; Hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; Bánh, mứt, kẹo; Thực phẩm khác.	4722
64.	Bán buôn gạo	4631
65.	Bán buôn đồ uống	4633
66.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
67.	Cổng thông tin	6312
68.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
69.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
70.	Bán buôn tổng hợp	4690
71.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;	4669

72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
73.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong các siêu thị, minimart, trung tâm thương mại, bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc láo có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác.	4719
74.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
75.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
76.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
77.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
78.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
79.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
80.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
81.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
82.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;	4773
83.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ gạo, ngô, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá thuốc láo, bán tại chợ hoặc lưu động.	4781
84.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
85.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
86.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
87.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610

88.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính... Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
89.	Xuất bản phần mềm	5820
90.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
91.	Hoạt động viễn thông khác	6190
92.	Lập trình máy vi tính	6201
93.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
94.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
95.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
96.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
97.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
98.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
99.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
100.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
102.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
103.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
104.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mười tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ ANH	Số 412C10, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	380.000	3.800.000.000	38,000	0381850000 11	
			Tổng số	380.000	3.800.000.000	38,000		
2	LÊ ĐẠI DƯƠNG	Số 412C10, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	60,000	0380830000 11	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	60,000		
3	PHẠM THỊ HẠNH	Đường Nam Tiến, Thị trấn Nông Công, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	2,000	171072141	
			Tổng số	20.000	200.000.000	2,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ĐẠI DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 26/03/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038083000011

Ngày cấp: 20/12/2012

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 412C10, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Liên Kê 2, vị trí 23, khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội